Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học
website: sj.ctu.edu.vn

DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.073

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA HỘ DÂN SAU THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Thuận[1], Dương Ngọc Thành[2] và Nguyễn Thành Nghiệp[3]
[1]*Nghiên cứu sinh Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ*
[2]*Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ*
[3]*Học viên Cao học Phát triển nông thôn, Trường Đại học Trà Vinh*
**Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Minh Thuận (email: nmthuan81@gmail.com)*

Thông tin chung:
Ngày nhận bài: 06/07/2017
Ngày nhận bài sửa: 01/11/2017
Ngày duyệt đăng: 19/06/2018

Title:
Factors affecting to a change in the income of households after land acquisition for the construction Industrial zone in Vinh Long province

Từ khóa:
Khu công nghiệp, sinh kế, thu hồi đất, thu nhập, yếu tố ảnh hưởng

Keywords:
Factors affecting, income, industrial zones, land acquisition, livelihoods

ABSTRACT

This study was conducted to assess the impact of industrial zones on the income of households whose land is acquired. Data from the study were collected from 126 households that land acquired for the construction of Hoa Phu and Binh Minh Industrial zone in Vinh Long province. Descriptive statistics, regression analysis was used in the study. Results of the study showed that significant changes in sources of livelihoods of communities after the land acquisition. Factors affecting the change in income of households whose land is acquired are age of households head, the education level of the households head, participation working in industrial zones, income from non-farm activities, rate of land acquisition, current land area. Several recommendations were proposed to stabilize the livelihood and increase incomes for residential communities whose land is acquired.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của khu công nghiệp (KCN) đến thay đổi thu nhập của hộ dân bị thu hồi đất. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 126 hộ gia đình bị thu hồi đất phục vụ xây dựng KCN Hoà Phú và Bình Minh tỉnh Vĩnh Long. Các phương pháp thống kê mô tả, phân tích hồi qui đa biến được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi đáng kể về các nguồn lực sinh kế của cộng đồng sau khi bị thu hồi đất. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi thu nhập của hộ dân bị thu hồi đất là tuổi chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, số lao động đang làm việc trong khu công nghiệp, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp, tỷ lệ bị thu hồi đất, diện tích đất hiện tại. Nghiên cứu còn đề xuất một số khuyến nghị nhằm ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư bị thu hồi đất.

Trích dẫn: Nguyễn Minh Thuận, Dương Ngọc Thành và Nguyễn Thành Nghiệp, 2018. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(4B): 80-90.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Từ một nền kinh tế nông nghiệp còn nhiều hạn chế với 90% dân số làm nghề nông, đến nay đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng được cho sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và chuyển toàn bộ mọi hoạt động của nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp sang nền kinh tế có tư duy công nghiệp (Phạm Xuân Đương, 2015). Các khu công nghiệp (KCN) trên cả nước thu hút trên một triệu lao động trực tiếp, góp phần rất lớn vào sự phát triển chung của đất nước. Quá trình CNH, HĐH ngày càng diễn ra mạnh mẽ đã làm ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế và văn hóa của người dân, làm biến đổi cả về chiều sâu của xã hội nông thôn truyền thống (Lê Thành Quân, 2012).

Việc phát triển các KCN trên cả nước mang lại mặt tích cực và tiêu cực cho xã hội. Trần Quang Tuyến (2013) cho rằng "Việc mất đất nông nghiệp cùng với việc bồi thường, không phải lúc nào cũng có tác động tiêu cực đến kết quả sinh kế của hộ dân. Điều này có thể được giải thích bởi thực tế là một số hộ gia đình sử dụng phần tiền bồi thường của họ cho tiêu thụ thuận tiện (smoothing consumption). Ngoài ra, thu nhập kiếm được từ việc làm khác ngoài nông nghiệp có thể bù đắp hoặc thậm chí vượt quá sự mất mát từ thu nhập nông nghiệp. Điều này cho thấy rằng mất đất nông nghiệp có thể gián tiếp ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế (thông qua tác dụng tích cực của nó về sự tham gia phi nông nghiệp)". Việc thu hồi đất để xây dựng các KCN làm cho cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo chiều hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Thu nhập bình quân đầu người tăng, tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động vào làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, đời sống văn hóa tinh thần của họ cũng tăng lên so với trước kia (Nguyễn Thị Hồng Hạnh *và ctv.,* 2013). Thu nhập bình quân của các hộ sau thu hồi đất đã có sự dịch chuyển thu nhập từ sản xuất nông nghiệp sang nguồn thu từ hoạt động thương mại dịch vụ như tiền lương công nhân, thu nhập từ nhà trọ, hàng quán ăn uống… Thu nhập của người dân trong vùng dự án đã được nâng lên và từng bước ổn định. Các điều kiện sinh hoạt văn hóa, học tập, y tế của người dân cũng được nâng lên. Ngoài ra, tác giả Trần Thị Thơm (2015) khi đi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau khi bị thu hồi đất xây dựng KCN Hòa Phú tỉnh Vĩnh Long còn nhận thấy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ bao gồm: kinh nghiệm sản xuất, trình độ học vấn, tập huấn sau thu hồi đất, cơ cấu thu nhập phi nông nghiệp sau thu hồi đất và lao động.

Bên cạnh những mặt tích cực từ thu hồi đất xây dựng các KCN, thì việc thu hồi đất không chỉ làm các hộ nông dân mất đi tài sản sinh kế đặc biệt là đất đai, mà còn làm mất đi địa vị, các cơ hội, các nguồn thực phẩm, thu nhập của hộ gia đình và cộng đồng, gây ra sự xáo trộn xã hội và hộ dân phải đối mặt với việc tìm kiếm kế mưu sinh mới với những khó khăn và đầy rủi ro (Đỗ Thị Nâng và Nguyễn Văn Ga, 2008). Sau khi bị thu hồi đất, thu nhập hộ dân có cao hơn trước, nguồn vốn về vật chất của họ được cải thiện đáng kể, nhưng do việc làm không ổn định (nguồn vốn từ việc bồi thường, hỗ trợ sau khi bị thu hồi đất không được người dân sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất và học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp nên dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm), cuộc sống xáo trộn, phai nhạt tình cảm nông thôn và ô nhiễm môi trường làm nhiều người dân lo lắng về sinh kế lâu dài của họ (Huỳnh Văn Chương, 2010). Nghiên cứu của Nguyễn Bình Giang (2012) đánh giá tác động xã hội vùng của các KCN Việt Nam cho thấy việc sử dụng tiền đền bù và hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi làm KCN có thể có tác động tiêu cực. Do đối tượng bị thu hồi đất hạn chế về trình độ văn hóa, nhiều hộ dân sử dụng tiền đền bù và hỗ trợ mua sắm, tivi, xây nhà... nên số tiền nhận bồi hoàn nhanh chóng cạn kiệt, nhiều hộ dân chưa quan tâm đến các nguồn hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Do đó, nhiều hộ rơi vào hoàn cảnh khó khăn, thậm chí trở thành nghèo đói sau thời gian mất đất, khi tiêu hết tiền đền bù. Cuộc sống gia đình trở nên xáo trộn, ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống, an ninh trật tự ở nông thôn vốn bình yên và nề nếp. Kết quả nghiên cứu của Đinh Phi Hổ và Huỳnh Sơn Vũ (2011) về thay đổi thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân bị thu hồi đất dựa vào khung lý thuyết sinh kế bền vững, nhận thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập bao gồm: Trình độ học vấn của chủ hộ, số lao động trong hộ, hộ có dùng tiền đền bù vào việc đầu tư cho sản xuất kinh doanh, hộ có lao động làm việc trong KCN, tỷ lệ phụ thuộc và diện tích đất bị thu hồi của hộ.

Bùi Văn Trịnh *và ctv.* (2013) khảo sát 60 hộ gia đình bị thu hồi đất phục vụ cho xây dựng các KCN và 47 hộ gia đình sống xung quanh KCN ở thành phố Cần Thơ nhận thấy: có sự thay đổi đáng kể về việc làm và nguồn tạo thu nhập của hộ dân bị thu hồi đất và hộ dân sống xung quanh KCN sau khi KCN được hình thành; các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân bị thu hồi và sống xung quanh KCN là trình độ học vấn của chủ hộ, tỷ lệ người phụ thuộc, lao động trong KCN, diện tích đất bị thu hồi.

Vĩnh Long là tỉnh nằm ở khu vực trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang trong quá trình thực hiện CNH, HĐH. Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2020 phấn đấu trở thành tỉnh có tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ là chủ yếu, trong những năm qua Vĩnh Long đã triển khai thực hiện nhiều dự án phát triển kinh tế, xã hội

như: chỉnh trang đô thị; mở rộng hạ tầng nông thôn; xây dựng các khu dân cư, khu đô thị mới và các KCN như: KCN Hòa Phú, KCN Bình Minh và tuyến công nghiệp Cổ Chiên, khu đô thị Bình Minh... Sự hình thành các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong thời gian qua là một xu hướng tất yếu để hoà nhập với sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, việc xây dựng các KCN làm cho diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, ảnh hưởng tới việc chuyển đổi ngành nghề và thu nhập của một bộ phận người dân có đất bị thu hồi. Kết quả nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng do tác động của CNH đến sinh kế hộ dân bị thu hồi đất, đồng thời nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm ổn định đời sống và nâng cao thu nhập cho các hộ dân bị thu hồi đất.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Theo Khoản 11, Điều 3, Luật đất đai 2013: "Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước ra quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai". Sự thu hồi đất và di chuyển chỗ ở của người dân có thể gây ra sự thiếu thốn nghiêm trọng và những tổn hại về kinh tế - xã hội, môi trường nếu không có một kế hoạch cẩn thận. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), để tránh hoặc tối thiểu hoá những tổn thất khi thực hiện dự án thì việc thu hồi đất và tái định cư là không thể tránh khỏi, những kế hoạch này nên được lên kế hoạch và thực hiện như một dự án phát triển. ADB chỉ ra rằng những người ảnh hưởng nên được hỗ trợ để họ cải thiện mức sống, hoặc ít nhất là khôi phục cuộc sống của họ, bằng cuộc sống cũ, hoặc cao hơn trước khi họ bị thu hồi đất và di chuyển (ADB, 1995). Theo Ngân hàng thế giới (WB, 2004), phục hồi thu nhập là một phần quan trọng của chính sách thu hồi đất khi những người bị ảnh hưởng mất đi cơ sở sản xuất, kinh doanh, việc làm hoặc các nguồn thu nhập khác. Các phương án tạo thu nhập bao gồm: (i) Tín dụng trực tiếp đối với kinh doanh nhỏ và tự làm; (ii) Xây dựng các kỹ thuật thông qua đào tạo; (iii) Hỗ trợ trong việc tìm kiếm các cơ hội trong doanh nghiệp nhà nước và tư nhân; và (iv) Ưu tiên đối với những người bị ảnh hưởng trong việc tuyển chọn lao động liên quan đến dự án hoạt động. Hiểu theo nghĩa rộng hơn, không phải chỉ là thu nhập mà còn cả sinh kế bền vững cho những đối tượng bị tổn thương do thu hồi đất.

Tim Hanstad *et al.* (2004) đã nhận định rằng một sinh kế bền vững khi nó có khả năng ứng phó và phục hồi nếu bị tác động hay có thể thúc đẩy các khả năng và tài sản ở cả thời điểm hiện tại và trong tương lai trong khi không làm xói mòn nền tảng nguồn lực tự nhiên. Mô hình sinh kế bền vững (DFID, 2000), chính sách về bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân bị thu hồi đất tạo được sinh kế bền vững khi nó tác động các tài sản sinh kế người dân và kết hợp với thay đổi phương thức sinh kế (nông nghiệp và phi nông nghiệp) nhằm đảm bảo tăng thu nhập của hộ dân sau khi thu hồi đất. Đinh Phi Hổ và Huỳnh Sơn Vũ (2011) dựa trên kết quả của việc phân tích khung sinh kế bền vững đưa ra nhận định rằng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân bị thu hồi đất gồm có: trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, tỷ lệ phụ thuộc, quy mô lao động, diện tích đất bị thu hồi, mục đích sử dụng số tiền đền bù, lao động làm việc trong KCN.

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu có liên quan kết hợp với khảo sát thực tế, nhóm nghiên cứu xây dựng mô hình xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi thu nhập của hộ dân bị thu hồi đất xây dựng các KCN ở tỉnh Vĩnh Long.

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải	Kỳ vọng
Biến phụ thuộc	Y	Thu nhập hộ dân sau khi thu hồi đất (triệu đồng/hộ)	
Tuổi chủ hộ	X_1	Số tuổi của chủ hộ (năm)	±
Giới tính của chủ hộ	X_2	0: nữ; 1: nam	±
Trình độ học vấn của chủ hộ	X_3	0 :không học, 1-12 :lớp 1-12, 14: trung cấp, 15: cao đẳng, 16: đại học	+
Lao động chính	X_4	Số lao động chính trong hộ gia đình (người)	+
Lao động trong KCN	X_5	Số lao động làm trong KCN của hộ gia đình (người)	+
Lao động phụ thuộc	X_6	Tỷ lệ giữa số người nằm ngoài độ tuổi lao động trên tổng số lao động trong gia đình (%)	-
Hoạt động	X_7	Số hoạt động tạo thu nhập, nhận giá trị tương ứng với số hoạt động tạo thu nhập hộ.	+
Diện tích đất sau thu hồi	X_8	Diện tích đất của hộ dân sau thu hồi đất (m^2)	+
Tỷ lệ đất bị thu hồi	X_9	Tỷ lệ đất bị thu hồi (%)	+

Hàm hồi quy tuyến tính đa biến trong nghiên cứu có dạng:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1X_1 + \beta_2X_2 + \beta_3X_3 + \beta_4X_4 + \beta_5X_5 + \beta_6X_6 + \beta_7X_7 + \beta_8X_8 + \beta_9X_9 + \varepsilon_i$$

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu nghiên cứu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, phân tầng theo tỷ lệ thu hồi đất. Cỡ mẫu được chọn là 126 hộ dân bị thu hồi đất (theo danh sách hộ bị thu hồi đất từ Uỷ ban Nhân dân địa phương cung cấp) phục vụ xây dựng KCN Hòa Phú và KCN Bình Minh. Thời gian tiến hành điều tra thu thập số liệu sơ cấp từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2017.

Bảng 2: Mô tả cơ cấu mẫu nghiên cứu

Địa bàn	Tỷ lệ thu hồi đất			Số lượng	Tỷ trọng %
	<30%	30-70%	>70%		
1. KCN Hòa Phú	7	10	49	60	47,6
2. KCN Bình Minh	6	15	39	66	52,4
Tổng cộng	13	25	88	126	100,0

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu năm 2017.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm của các hộ điều tra

Kết quả nghiên cứu cho thấy chủ hộ là nam giới chiếm đa số trong số chủ hộ được khảo sát (chiếm 73%) so với số lượng nữ giới (chiếm 27%). Thực tế, địa bàn nghiên cứu cho thấy, đa số chủ hộ là nam giới thường là người quan trọng nhất của gia đình. Vì vậy, khi thực hiện các phỏng vấn đến nông hộ thì người nhận trách nhiệm trả lời phần lớn là nam giới. Tuổi có quyết định rất quan trọng trong việc tăng thu nhập gia đình, đặc biệt là những hộ dân sau khi nhận bồi thường và hỗ trợ khi bị thu hồi đất.

Tuổi trung bình của chủ hộ trong nghiên cứu là 55 tuổi (nhỏ nhất là 33 tuổi và lớn nhất là 83 tuổi). Các nhóm tuổi chủ hộ có độ tuổi từ 33 - 40 tuổi (tỷ lệ 6,3%), nhóm hộ có độ tuổi từ 40 - 50 tuổi (tỷ lệ 28,1%), nhóm hộ từ 50 - 60 tuổi (tỷ lệ 34,4%), và nhóm hộ >60 tuổi (tỷ lệ 31,2%). Kết quả nhóm tuổi cũng cho thấy phần lớn tuổi chủ hộ có độ tuổi trên 50 tuổi với tỷ lệ 65,6%. Điều này, tác động rất lớn đến thu nhập nông hộ và cũng như gánh nặng về an sinh xã hội của chính quyền địa phương vì khi nhận bồi thường và hỗ trợ sau khi thu hồi đất, các hộ dân phải chuyển đổi sinh kế, tìm việc làm mới (nếu lao động lớn tuổi thường khó xin vào làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong KCN).

Trình độ học vấn của đa dạng, trong đó tỷ lệ 5,6% hộ bị mù chữ, còn lại đa số các hộ chỉ học cấp 1 (chiếm 46,8%), 38,9% học cấp 2 và 8,7 % hộ học cấp 3. Trình độ học vấn trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu tập trung vào cấp 1 và cấp 2 , trình độ cấp 3 chiếm tỉ lệ thấp 8,7%). Khi KCN hình thành, việc chuyển đổi từ nông nghiệp sang ngành nghề phi nông nghiệp là rào cản đối với những hộ dân bị thu hồi đất, vì các ngành nghề phi nông nghiệp đòi hỏi kỹ năng và tay nghề cao, các hộ dân gặp nhiều khó khăn trong việc học nghề cũng như khó tiếp cận với các ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh trong môi trường công nghiệp hóa như hiện nay. Bình quân nhân khẩu hộ nghiên cứu là 4,4 người, trong đó bình quân nhân khẩu nam và nữ như nhau là 2,2 người. Bình quân lao động hộ gia đình nghiên cứu là 2,6 lao động, bình quân lao động nam là 1,4, bình quân lao động nữ là 1,2 lao động.

Bảng 3: Đặc điểm các hộ điều tra

Đặc điểm hộ	Đơn vị	Số lượng	Tỷ trọng %
1. Giới tính chủ hộ			
- Nữ	người	34	27
- Nam	người	92	73
2. Tuổi chủ hộ (55 ± 24,5)			
- 33-40 tuổi	người	8	6,3
- 41-50 tuổi	người	36	28,1
-51-60 tuổi	người	43	34,4
- > 60tuổi	người	40	31,2
3. Trình độ học vấn (6,4 ± 2,3)			
- Mù chữ	người	7	5,6
- Cấp I	người	59	46,8
- Cấp II	người	49	38,9
- Cấp III	người	11	8,7
4. Bình quân nhân khẩu/hộ			
- Số nhân khẩu	người	4,4	
- Số nhân khẩu nam	người	2,2	-
- Số nhân khẩu nữ	người	2,2	-
5. Bình quân lao động chính/hộ			
- Số lao động	người	2,6	-
- Số lao động nam	người	1,4	-
- Số lao động nữ	người	1,2	-

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

3.2 Diện tích, cơ cấu đất trước và sau khi thu hồi đất

Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng diện tích đất bị thu hồi của 3 nhóm hộ dân (bị thu hồi <30%, 30 – 70% và >70%) đều giảm so với trước khi thu hồi. Trước thu hồi (nhóm <30%) có tổng diện tích 97,850 m^2, sau khi thu hồi diện tích giảm còn 73,150 m^2, hộ dân (nhóm bị thu hồi 30 – 70%) trước thu hồi có tổng diện tích 172,420 m^2, sau khi thu hồi diện tích giảm 117,030 m^2, nhóm hộ dân (diện tích bị thu hồi >70%) trước thu hồi là 381,025 m^2, tổng diện tích nhóm hộ này sau thu hồi là 240,456 m^2. Diện tích từng nhóm hộ sau thu hồi có tỷ lệ giảm, nhóm hộ dân (bị thu hồi <30% và nhóm hộ 30-70% diện tích) diện tích sau thu hồi giảm ít, do bị thu hồi diện tích ít nên một số mua lại diện tích ít hơn hoặc sử dụng tiền bồi thường vào mục đích khác, nhóm hộ dân (bị thu hồi >70% diện tích) có tỷ lệ diện tích giảm nhiều so với các nhóm hộ còn lại. Do nhóm hộ (>70%) khi nhận tiền bồi thường và hỗ trợ chi tiêu vào nhiều mục đích khác nhau và giá đất sau khi nhận bồi thường cao hơn mức giá bồi thường nên khả năng mua lại đất đúng diện tích ban đầu rất khó và một số hộ dân sau khi nhận bồi thường chỉ mua đất xây dựng nhà ở và chuyển đổi ngành nghề khác không sản xuất nông nghiệp, nên tỷ lệ diện tích giảm.

Bảng 4: Diện tích đất hộ điều tra trước và sau khi thu hồi

Qui mô đất	Diện tích đất (m^2)					
	Trước thu hồi			Sau thu hồi		
	<30%	30-70%	>70%	<30%	30-70%	>70%
- Tổng diện tích	97.850	172.420	381.025	73.150	117.030	240.456
- Trung bình	7.526	6.896	4.329	5.626	4.681	2.732
- Nhỏ nhất	1.500	2.000	50	400	1.000	40
- Lớn nhất	14.000	27.700	18.100	11.350	20.000	22.100

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

3.3 Tiền bồi thường và mục đích sử dụng tiền bồi thường của các hộ điều tra

Tại địa bàn nghiên cứu, vấn đề bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người dân được đặc biệt quan tâm bởi sự tác động của việc thu hồi đất tới người dân là rất lớn. Kết quả khảo sát cho thấy diện tích thu hồi khác nhau nên nhận bồi thường và hỗ trợ từng nhóm hộ với số tiền khác nhau, nhóm có diện tích thu hồi <30% diện tích thì số tiền nhận bồi thường nhỏ nhất là 35 triệu đồng, lớn nhất là 332 triệu đồng và trung bình là 129,79 triệu đồng. Nhóm có diện tích thu hồi từ 30-70% diện tích thì số tiền nhận bồi thường nhỏ nhất là 36 triệu đồng, lớn nhất là 1,4 tỷ đồng và trung bình là 236,32 triệu đồng. Nhóm >70%, số tiền nhận bồi thường nhỏ nhất là 5 triệu đồng và lớn nhất 1.800 triệu đồng và trung bình hộ nhận được là 225,29 triệu đồng.

Kết quả phân tích Bảng 5 cho thấy số tiền bồi thường cho hộ nông dân bị thu hồi đất tương đối lớn cũng giúp cho hộ nông dân chuyển đổi công việc làm hiện tại như cho con cái, mua sắm, mua lại đất, xây nhà trọ, hoặc gửi ngân hàng… để tạo ra nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống của hộ gia đình sau này. Tuy nhiên, đối với những hộ có số tiền bồi thường ít (35 – 36 triệu đồng/hộ), đây thật sự là thử thách bởi vì với số tiền trên họ khó có thể đầu tư kinh doanh, phần diện tích đất còn lại rất ít nên làm hộ nông dân khó có thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp.

Nguồn lực đầu tiên phải kể đến của hộ nông dân sau khi bị thu hồi đất là khoản tiền bồi thường. Số tiền này rất lớn so với thu nhập trong năm trước của hộ nhất là những hộ bị mất >70% diện tích đất. Số tiền bồi thường bao gồm tiền bồi thường đất, bồi thường nhà, bồi thường vật kiến trúc và cây trồng, tiền hỗ trợ học nghề, tiền hỗ trợ ổn định đời sống. Nhận tiền bồi thường sau khi bị thu hồi đất đã làm cho khả năng tài chính của hộ thay đổi. Hộ có thêm tiền để sử dụng vào việc gửi tiết kiệm hay chi tiêu. Mục đích sử dụng tiền đền bù khá đa dạng như phần lớn tập trung vào việc mua lại đất để xây lại nhà ổn định đời sống chiếm tỷ lệ 40,47%, sử dụng tiền vào mục đích xây mới và sửa chữa nhà chiếm tỷ lệ 25,25%, chia cho con cái và người thân chiếm tỷ lệ 12,59%. Trong khi việc đầu tư vào dịch vụ kinh doanh chiếm 6,10%, đầu tư vào trồng trọt chiếm tỷ lệ 1,29%, đầu tư chăn nuôi chiếm tỷ lệ 0,39%.

Ngoài ra, các hộ dân còn sử dụng tiền vào mục đích như: mua sắm tài sản, chữa bệnh, chi học hành cho con cháu, trả nợ và gửi tiết kiệm với tỷ lệ thấp (tỷ lệ 13,91%). Kết quả nghiên cứu và phân tích nhận định rằng: tỷ lệ hộ dân sử dụng tiền bồi thường vào mục đích mua lại đất, xây dựng nhà ổn định sinh kế và sản xuất kinh doanh (tập trung vào nhóm hộ dân bị thu hồi >70% diện tích, do nhóm hộ này đa số bị thu hồi nhà và đất). Đối với những hộ có thu nhập ổn định, nhận được số tiền bồi thường nhiều sử dụng tiền đền bù theo hướng tích

cực hơn, họ sẽ đầu tư vào sản xuất kinh doanh, cho thuê nhà trọ cho công nhân tạo nên nguồn thu nhập đáng kể. Ngược lại, số hộ thu nhập thấp nhận tiền bồi thường ít lại cho con cái, xây dựng nhà ở, mua sắm tài sản… nên không tạo được sinh kế dẫn đến thu nhập không ổn định làm chất lượng cuộc sống ngày càng giảm sút. Thông qua mục đích sử dụng tiền bồi hoàn sau khi thu hồi đất cho thấy người dân sử dụng tiền đền bù chưa đúng với mục đích tốt nhất để chuyển đổi ngành nghề nâng cao thu nhập.

Bảng 5: Cơ cấu sử dụng tiền đền bù của hộ dân

Tiền đền bù	Tỷ lệ đất thu hồi			Tổng số	Tỷ trọng %
	<30%	30-70%	>70%		
1. Số tiền nhận đền bù *(triệu đồng)*					
- Trung bình	129,79	236,32	225,29	-	-
- Nhỏ nhất	35,00	36,00	5,00	-	-
- Lớn nhất	332,00	1.400,00	1.800,00	-	-
- Tổng số	1.678,00	5.908,00	19.820,00	-	-
2. Sử dụng tiền đền bù *(triệu đồng)*					
- Cho con cái và người thân	390,00	430,00	2.537,37	3.357,37	12,59
- Xây, sửa chữa nhà	696,00	1.881,00	4.158,30	6.735,30	25,25
- Mua sắm tài sản	103,00	562,00	628,00	1.293,00	4,85
- Đầu tư dịch vụ kinh doanh	100,00	20,00	1.507,50	1.627,50	6,10
- Đầu tư trồng trọt	20,00	35,00	288,00	343,00	1,29
- Đầu tư chăn nuôi	-	105,00	-	105,00	0,39
- Mua lại đất	222,00	2.088,00	8.484,85	10.794,85	40,47
- Chữa bệnh	35,00	-	508,00	543,00	2,04
- Học tập	-	90,00	140,00	230,00	0,86
- Trả nợ	82,00	47,00	616,00	745,00	2,79
- Gửi tiết kiệm	40,00	495,00	364,00	899,00	3,37
Tổng cộng	1.688,00	5.753,00	19.232,02	26.673,02	100,00

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017.

3.4 Chuyển dịch ngành nghề và nguồn thu nhập của hộ trước và sau thu hồi đất

Thay đổi việc làm và thu nhập phản ánh khả năng thích ứng của hộ dân sau khi thu hồi đất xây dựng các KCN, nó được đánh giá qua chỉ tiêu thay đổi thu nhập và thay đổi nghề nghiệp. Kết quả từ Bảng 6 cho thấy đất bị thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp nên trước khi thu hồi ngành nghề chính của hộ dân là sản xuất nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 69,5%), lao động làm thuê chiếm tỷ lệ 8,4%, hộ dân kinh doanh, buôn bán chiếm tỷ lệ 6,9%. Ngoài ra, một số hộ dân trước thu hồi đất có ngành nghề như: công nhân, công viên chức nhà nước, làm thuê, buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ tương đối thấp so với một số ngành nghề khác... và 3,8% tỷ lệ hộ dân không nghề nghiệp.

Tuy nhiên, sau thu hồi đất có sự chuyển biến ngành nghề của các hộ dân. Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi chuyển sang hoạt động công nghiệp, dịch vị nên tỷ lệ hộ dân sản xuất nông nghiệp giảm còn 65 hộ, chiếm tỷ lệ 47,1% do một số hộ dân bị thu hồi đất nên diện tích bị thu hẹp, chuyển đổi sang trồng cây trồng khác phù hợp diện tích và một số ngành nghề phi nông nghiệp tăng lên. Nguyên nhân là do sau khi hình thành các KCN lao động có cơ hội tìm việc làm, đặc biệt các ngành nghề phi nông nghiệp như: kinh doanh nhà trọ, buôn bán xung quanh các KCN, chiếm tỷ lệ 13,0% (tăng 6,1%), tỷ lệ lao động làm thuê (chiếm tỷ lệ 8,0%) và lao động làm công nhân tại các KCN tăng (chiếm tỷ lệ 4,3%), một số ngành nghề mới được hình thành đối với những hộ dân quá tuổi lao động làm việc tại các KCN như: thợ hồ (chiếm tỷ lệ 4,3%), bảo vệ các công ty KCN (chiếm tỷ lệ 1,4%), nấu ăn (chiếm tỷ lệ 0,7%) và số lượng không việc làm tăng lên 15,9 % do một số hộ không còn đất sản xuất, quá tuổi lao động không xin vào các công ty KCN nên sống phụ thuộc vào gia đình.

Bảng 6: Ngành nghề và bình quân thu nhập hộ dân trước thu hồi đất

Ngành nghề và thu nhập	Trước thu hồi đất (%)			Số lượng	Tỷ trọng %
	<30%	30-70%	>70%		
1. Ngành nghề (%)					
- Nông nghiệp	84,6	88,5	62,0	91	69,5
- Tiểu thủ công nghiệp	-	-	1,1	1	0,8
- Kinh doanh, buôn bán	-	-	9,8	9	6,9
- Làm thuê	15,4	-	9,8	11	8,4
- Công nhân	-	-	3,3	3	2,3
- Công chức, viên chức nhà nước	-	3,8	5,4	6	4,6
- Thợ hồ	-	3,8	1,1	2	1,5
- Không nghề nghiệp	-	3,8	4,3	5	3,8
- Thợ may	-	-	1,1	1	0,8
- Thợ mộc	-	-	1,1	1	0,8
- Đi học	-	-	1,1	1	0,8
2. Bình quân thu nhập *(triệu đồng/hộ/năm)*					
- Cây trồng	40,88	39,64	42,83		
- Vật nuôi	-	5,58	10,19		
- Phi nông nghiệp	15,88	16,90	11,89		

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

Bảng 7: Ngành nghề và bình quân thu nhập hộ dân sau thu hồi đất

Ngành nghề và thu nhập	Sau thu hồi đất			Số lượng	Tỷ trọng %
	<30%	30-70%	>70%		
1. Ngành nghề (%)					
- Nông nghiệp	50,0	61,5	42,7	65	47,1
- Tiểu thủ công nghiệp	-	3,8	1,0	2	1,4
- Kinh doanh nhà trọ, buôn bán	25,0	7,7	12,5	18	13,0
- Làm thuê	12,5	-	9,4	11	8,0
- Công nhân	-	3,8	5,2	6	4,3
- Công chức, viên chức nhà nước	-	-	3,1	3	2,2
- Nội trợ	-	-	2,1	2	1,4
- Thợ hồ	-	7,7	4,2	6	4,3
- Bảo vệ	-	3,8	1,0	2	1,4
- Không nghề nghiệp	12,5	11,5	17,7	22	15,9
- Nấu ăn	-	-	1,0	1	0,7
2. Bình quân thu nhập *(triệu đồng/hộ/năm)*					
- Cây trồng	40,46	42,36	42,03	-	-
- Vật nuôi	38,46	7,06	4,53	-	-
- Phi nông nghiệp	35,08	39,39	46,66	-	-

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

Theo kết quả phân tích, thu nhập trên các nhóm hộ bị thu hồi đất trong sản xuất nông nghiệp có giảm nhưng ít, thu nhập từ cây trồng trước thu hồi đất (đối với nhóm hộ bị thu hồi >70% diện tích) là 42,83 triệu đồng/năm/hộ và sau thu hồi đất là 42,03, mặc dù diện tích đất nông nghiệp sau thu hồi giảm nhưng thu nhập giảm và tăng không nhiều so với trước thu hồi. Điều này được lý giải, sau thu hồi đất các hộ dân KCN Bình Minh mua lại đất sản xuất nông nghiệp (trồng Bưởi 5 Roi) giá trị kinh tế cao nên thu nhập không giảm. Thu nhập lĩnh vực phi nông nghiệp tăng đáng kể các nhóm hộ dân, trước thu hồi thu nhập từ phi nông nghiệp cao nhất là 16,90 triệu đồng/hộ/năm (nhóm bị thu hồi 30-70% diện tích), thu nhập thấp nhất là 11,89 triệu đồng/hộ/năm (>70% diện tích), sau thu hồi đất bình quân thu nhập (nhóm bị thu hồi 30-70% diện tích) tăng lên 39,39 triệu đồng/hộ/năm và nhóm (>70% diện tích) thu nhập tăng 46,66 triệu đồng/hộ/năm. Điều này cho thấy, việc xây dựng các KCN đã tạo ra cơ hội việc làm và thu nhập của hộ dân bị thu hồi đất, sự chuyển biến thu nhập từ lĩnh vực nông nghiệp sang những ngành nghề có thu nhập cao hơn trong lĩnh vực công nghiệp là một dấu hiệu vui trong quá trình công nghiệp hóa trên địa bàn của tỉnh.

3.5 Chi tiêu và vay vốn của các hộ điều tra

Kết quả điều tra hộ dân bị thu hồi đất cho thấy, mức chi tiêu của hộ dân trước và sau khi thu hồi đất có sự chênh lệch tương đối ít. Trước thu hồi đất, chi tiêu bình quân hàng tháng của nhóm hộ có tỷ lệ thu hồi đất <30% là 3,176 triệu đồng/tháng, sau thu hồi đất, chi tiêu bình quân nhóm này tăng lên 5,053 triệu đồng/tháng. Sự chênh lệch chi tiêu lớn của nhóm hộ dân có tỷ lệ thu hồi >70% diện tích, trước thu hồi chi tiêu bình quân là 2,430 triệu đồng/tháng, sau thu hồi chi tiêu bình quân nhóm tăng lên 4,715 triệu đồng/tháng. Kết quả trên cho thấy, sau khi thu hồi đất sinh kế hộ dân thay đổi, mức chi tiêu cũng thay đổi.

Bảng 8: Số tiền chi tiêu bình quân hàng tháng và vay vốn của hộ dân trước thu hồi đất

Chỉ tiêu	Trước thu hồi đất			Số lượng	Tỷ trọng %
	<30%	30-70%	>70%		
1. Số tiền (triệu đồng)					
- Tổng số tiền	41,30	88,41	213,87	-	-
- Trung bình	3,17	3,53	2,43	-	-
- Nhỏ nhất	1,00	5,00	0,15	-	-
- Lớn nhất	8,00	12,50	8,90	-	-
2. Mục đích chi tiêu (%)					
- Lương thực, thực phẩm	28,3	20,0	20,1	126	20,3
- Giáo dục	6,5	6,4	9,2	51	8,2
- Khám chữa bệnh	15,2	13,6	12,6	79	12,7
- Đám tiệc	26,1	18,4	18,3	115	18,5
- Mua sắm tài sản	8,7	4,0	5,7	34	5,5
- Sản xuất nông nghiệp	15,2	16,8	12,8	84	13,5
- Điện, nước	26,1	20,0	19,9	124	20,0
- Sửa, xây dựng nhà ở	2,2	0,8	1,4	8	1,3
3. Vay vốn (triệu đồng/hộ)					
- Trung bình	15,00	14,44	15,55	-	-
- Nhỏ nhất	10,00	1,00	3,00	-	-
- Lớn nhất	20,00	50,00	60,00	-	-
4. Mục đích sử dụng vốn vay (%)					
- Sản xuất nông nghiệp	100,0	75,0	63,6	29	67,4
- Buôn bán, kinh doanh	-	-	3,0	1	2,3
- Khám chữa bệnh	-	-	6,1	2	4,7
- Xây dựng, sửa chữa nhà	-	12,5	6,1	3	7,0
- Học hành	-	-	9,1	3	7,0
- Mua sắm tài sản	-	-	9,1	3	7,0
- Chi khác	-	12,5	3,0	2	4,7

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

Kết quả nghiên cứu cho thấy trước và sau thu hồi đất các hộ dân đầu tư vào chi dành cho lương thực, thực phẩm chiếm 18-20%, chiếm tỷ trọng cao trong các khoản chi tiêu cho hàng tháng. Chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong các khoản chi tiêu trước và sau thu hồi đất là chi vào điện, nước sinh hoạt (trước thu hồi chiếm 20% và sau thu hồi chiếm 17,8%), thứ 3 khoản chi tiêu là chi cho đám tiệc trong gia đình và giao tế (chiếm17-18%).

Về vốn vay trước và sau thu hồi đất, kết quả điều tra phân tích cho thấy trung bình hộ vay trước khi thu hồi đất là 14,7 triệu đồng/hộ, chủ yếu đầu tư cho sản xuất nông nghiệp. Trong khi sau thu hồi đất, trung bình mỗi hộ vay là 75,6 triệu đồng/hộ (trung bình nhóm <30% bị thu hồi là 36 triệu đồng/hộ, nhóm bị thu hồi >70% trung bình là 193 triệu đồng/hộ). Sau thu hồi đất, mục đích sử dụng vốn vay vào kinh doanh buôn bán nhỏ, xây dựng sửa chữa nhà và sản xuất đầu tư cho nông nghiệp (chiếm trên 50%).

Bảng 9: Số tiền chi tiêu bình quân hàng tháng và vay vốn của hộ dân sau hồi đất

	Sau thu hồi đất			Số lượng	Cơ cấu %
	<30%	30-70%	>70%		
1. Số tiền (triệu đồng)					
- Tổng số tiền	65,70	144,97	414,97	-	-
- Trung bình	5,53	5,79	4,71	-	-
- Nhỏ nhất	2,00	1,00	0,6	-	-
- Lớn nhất	10,00	17,00	32,00	-	-
2. Mục đích chi tiêu (%)					
- Lương thực, thực phẩm	18,3	16,9	18,0	125	17,8
- Giáo dục	4,2	3,4	5,6	35	5,0
- Khám chữa bệnh	14,1	14,9	14,5	102	14,5
- Đám tiệc	15,5	16,9	17,8	122	17,4
- Mua sắm tài sản	11,3	12,8	12,6	88	12,5
- Sản xuất nông nghiệp	12,7	10,1	6,6	56	8,0
- Điện, nước	18,3	16,9	18,0	125	17,8
- Sửa, xây dựng nhà ở	5,6	8,1	7,0	50	7,1
3. Vay vốn (triệu đồng/hộ)					
- Trung bình	35,66	39,00	193,00	-	-
- Nhỏ nhất	12,00	4,00	3,00	-	-
- Lớn nhất	50,00	150,00	500,00	-	-
4. Mục đích sử dụng vốn vay (%)					
- Sản xuất nông nghiệp	25,0	21,7	14,7	12	18,5
- Buôn bán, kinh doanh	37,5	13,0	17,6	12	18,5
- Khám chữa bệnh	-	4,3	5,9	3	4,6
- Xây dựng, sửa chữa nhà	12,5	26,1	14,7	12	18,5
- Học hành	12,5	13,0	2,9	5	7,7
- Mua sắm tài sản	-	8,7	14,7	7	10,8
- Chi khác	12,5	13,0	29,4	14	21,5

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

3.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân thu hồi đất

Kết quả phân tích giá trị Sig.F = 0,000 cho thấy mô hình đề xuất rất phù hợp. Hệ số xác định R^2 hiệu chỉnh của mô hình là 0,897, tức là các biến đưa vào mô hình giải thích được 89,7% sự biến thiên của thu nhập. Giá trị VIP của mô hình đều trong giới hạn cho phép, tức là mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008 và Mai Văn Nam, 2008).

Bảng 10: Kết quả hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập

Mô hình	Hệ số hồi quy		Giá trị t	Mức ý nghĩa	Hệ số VIP
	B	Sai số chuẩn			
Hằng số	3,426	-4,059	-7,120	0,000	
X_1 (Tuổi)	0,065	1,139	2,033	0,044	1,162
X_2 (Giới tính)	-0,008	-2,646	-0,252	0,802	1,069
X_3 (Trình độ học vấn)	0,170	0,8,32	3,821	0,000	2,250
X_4 (Lao động chính)	0,131	2,056	1,444	0,151	6,252
X_5 (Lao động trong KCN)	0,186	3,151	2,163	0,033	5,325
X_6 (Lao động phụ thuộc)	-0,035	-0,263	-0,834	0,406	1,947
X_7 (Cơ cấu thu nhập PNN)	0,127	0,059	2,204	0,029	3,774
X_8 (Diện tích đất sau thu hồi)	1,286	0,044	2,946	0,000	4,263
X_9 (Tỷ lệ đất bị thu hồi)	0,407	0,259	5,186	0,000	6,974
R^2 hiệu chỉnh = 0,897, Mức ý nghĩa (Sig.F) = 0,000					

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả, năm 2017

Theo kết quả phân tích, các biến tuổi (X_1), Trình độ học vấn (X_3), Số lao động trong KCN (X_5), tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp (X_7), diện tích đất sau thu hồi (X_8), tỷ lệ đất bị thu hồi (X_9) là có ý nghĩa thống kê, tức là các biến này có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau thu hồi đất tỉnh Vĩnh Long. Mức ảnh hưởng của các biến được giải thích như sau:

– *Tuổi chủ hộ (X_1):* Hệ số ước lượng biến số tuổi chủ hộ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Yếu tố này tương quan thuận với thu nhập hộ sau thu hồi đất. Điều này chỉ ra rằng tuổi của chủ hộ ảnh hưởng đến việc tăng thu nhập của hộ gia đình, những hộ dân sau thu hồi đất trong độ tuổi lao động có nhiều kinh nghiệm, năng động, góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống gia đình sau thu hồi đất.

– *Trình độ học vấn (X_3);* Hệ số ước lượng biến số trình độ học vấn của chủ hộ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Yếu tố này tương quan thuận với thu nhập của hộ sau thu hồi đất. Điều này phù hợp với kỳ vọng của mô hình, vì trình độ học vấn càng cao thì giúp cho hộ xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án hoạt động, quản lý điều hành càng hiệu quả hơn. Đối với chủ hộ và những người lao động chính trong hộ dân sau khi bị thu hồi đất, nếu có trình độ cao dễ dàng xin việc làm vào các công ty, doanh nghiệp trong KCN và những hộ sau thu hồi vẫn hoạt động sản xuất nông nghiệp có nhiều khả năng tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, cải thiện thu nhập hộ gia đình sau thu hồi đất.

– *Lao động trong KCN (X_5):* Hệ số ước lượng biến số lao động là nhân viên, công nhân làm việc trong KCN có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Yếu tố này tương quan thuận với thu nhập của hộ sau thu hồi đất. Sau thu hồi đất một số hộ dân không còn đất sản xuất hoặc diện tích đất giảm sẽ chuyển đổi ngành nghề. Thu nhập của hộ dân sau thu hồi đất trước thu hồi đất chủ yếu do sản xuất nông nghiệp, sau thu hồi đất thu nhập đa dạng hơn, trong đó có được từ việc làm của công nhân cho các công ty, doanh nghiệp trong KCN, nếu hộ dân sau thu hồi đất có nhiều lao động làm việc trong KCN thì khả năng tăng cao thu nhập cho hộ gia đình càng cao.

– *Cơ cấu thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp (X_5):* Sự chuyển đổi cơ cấu thu nhập phi nông nghiệp tỷ lệ thuận với thu nhập của hộ bị thu hồi đất với mức độ khác biệt 5%. Điều này cho thấy khi tỷ lệ chuyển đổi sang ngành nghề phi nông nghiệp sẽ tác động đến thu nhập của người dân. Sau thu hồi đất một số hộ dân chuyển sang hoạt động buôn bán nhỏ hoặc chuyển sang kinh doanh nhà trọ nên nguồn thu nhập tăng lên và ổn định hơn so với trước thu hồi đất.

– *Tỷ lệ bị thu hồi đất (X_9)*: Hệ số ước lượng biến số trình độ học vấn của chủ hộ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Yếu tố này tương quan thuận với thu nhập của hộ sau thu hồi đất. Thu nhập trước thu hồi đất của người dân chủ yếu từ hoạt động nông nghiệp. Sau thu hồi đất, đất sản xuất nông nghiệp bị giảm nhiều (tỷ lệ thu hồi tăng) thì thu nhập của các nhóm bị thu hồi tăng lên và tăng thu nhập chủ yếu từ các ngành phi nông nghiệp. Điều này cho thấy việc hình thành các KCN, chương trình đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có tác động tích cực đến chuyển đổi ngành nghề và thu nhập của hộ dân.

– *Diện tích đất hiện tại (X_8)*: Diện tích đất sau thu hồi tỷ lệ thuận với thu nhập của hộ bị thu hồi đất với mức độ khác biệt 5%. Điều này cho thấy ngoài diện tích bị thu hồi, các hộ dân sử dụng tiền bồi thường mua lại đất sản xuất, kinh doanh thì thu nhập hộ dân sẽ tăng lên, góp phần ổn định cuộc sống sau thu hồi đất.

4 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng thu nhập hộ dân sau khi thu hồi đất xây dựng các khu KCN tỉnh Vĩnh Long cho thấy, sau thu hồi đất có sự thay đổi đáng kể về nghề nghiệp và thu nhập của hộ dân trong từng nhóm hộ khác nhau. Nghiên cứu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ dân sau thu hồi đất xây dựng các KCN là: tuổi chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, lao động làm việc trong KCN, cơ cấu thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp, tỷ lệ đất bị thu hồi và diện tích đất sau thu hồi. Để nâng cao thu nhập cho hộ dân và đảm bảo sinh kế cho hộ bị thu hồi đất, một số khuyến nghị được đề xuất như sau:

– Đối với nhà nước: Cần có định hướng ngắn hạn và dài hạn trong công tác quy hoạch tổng thể phát triển các KCN. Việc xây dựng KCN cần phải tính toán cẩn thận các phương án chuyển dịch sinh kế và nơi ở cho các hộ dân bị thu hồi đất; nghiên cứu các chính sách ràng buộc trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với sinh kế và thu nhập của cộng đồng dân cư bị thu hồi đất như: xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương, cho người dân đóng góp cổ phần chính bằng giá trị phần đất bị thu hồi của họ để họ được hưởng đầy đủ quyền và lợi ích từ kết quả sản xuất kinh doanh. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp thu hồi đất một cách nhanh chóng và thuận lợi đồng thời sinh kế của người dân được đảm bảo hơn; hỗ trợ đào tạo nghề giúp hộ dân bị thu hồi đất chuyển đổi sinh kế thuận lợi hơn.

– Đối với chính quyền địa phương: Triển khai các giải pháp về sinh kế cho người dân bị thu hồi

đất xây dựng KCN, tạo điều kiện tốt nhất cho việc tìm kiếm kế mưu sinh của người dân. Có chính sách tạo nguồn vốn cho hộ dân bị thu hồi đất chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn sản xuất nông nghiệp; yêu cầu chủ đầu tư KCN đầu tư vốn đào tạo nghề nghiệp cho người lao động.

– Đối với hộ dân bị thu hồi đất: Cần có phương án sử dụng tiền đền bù hiệu quả, đặc biệt là tập trung đầu tư sản xuất kinh doanh; tích cực nắm bắt thông tin hỗ trợ của chính quyền địa phương về nơi ở, việc làm; tích cực học tập nâng cao trình độ, kiến thức, tận dụng lợi thế của gia đình và địa phương nhằm đầu tư cho sinh kế tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Văn Trịnh, Huỳnh Văn Tùng, Trần Thị Mỹ Chinh và Huỳnh Thanh, 2013. Nghiên cứu tác động của thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp đến sự thay đổi thu nhập của cộng đồng bị thu hồi đất ở thành phố Cần Thơ. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh, Đại học Cần Thơ. 240-247.

DFID, 2000. Sustainable livelihoods guidance sheets.London:DFID.

Đinh Phi Hổ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011. Sự thay đổi về thu nhập của người dân sau khi thu hồi đất để xây dựng KCN - Các yếu tố ảnh hưởng và chính sách gợi ý, Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 249, trang 35-41.

Đỗ Thị Nâng và Nguyễn Văn Ga, 2008. Nghiên cứu sinh kế của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội. tạp chí Khoa học Công nghệ. 5: 10-15.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và 2, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Chương, 2010. Ảnh hưởng của việc chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế của người nông dân bị thu hồi đất tại Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí khoa học trường Đại học Huế. 60A: 47-58.

Lê Thành Quân, 2012. Khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam: Hai thập kỷ xây dựng và phát triển. Tạp chí Bộ Kế hoạch và đầu tư. Số 138 (tháng 3-2012). Trang 10- 18.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 , ngày truy cập 15/3/2017. Địa chỉ: http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/ viewdetail.aspx?itemid=19439.

Mai Văn Nam, 2008. Giáo trình kinh tế lượng. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), 1995. Cẩm nang về tái định cư. Nguồn: http://www.adb.org/Documents/Translation/Vietnamese/Resettlement_Handbook_VN.pdf, truy cập ngày 15/3/2017.

Nguyễn Bình Giang, 2012. Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội, 223 trang.

Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thanh Trà and Hồ Thị Lam Trà, 2013. Ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống, việc làm của nông dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 11(1): 59 - 67.

Phạm Xuân Đương, 2015. Công nghiệp hóa hiện đại - bước chuyển quan trọng đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp. Nguồn: http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2015/32101/Cong-nghiep-hoa-hien-dai-buoc-chuyen-quan-trong-dua-nuoc.aspx, ngày truy cập 15/6/2017.

Tim Hanstad, Robin Nielsen and Jennifer Brown, 2004. Land and Livelihoods – Making Land Rights Real for India's Ruural Poor, Rural Development Institute (RDI), USA: http://www.fao.org/docrep/2007/j2602e/j2602e00.htm , truy cập ngày 15/3/2017

Trần Thị Thơm, 2015. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau khi thu hồi đất xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú tỉnh Vĩnh Long. Luận văn Thạc sĩ. ĐH Cần Thơ.

World Bank, 2004. Involuntary Resettlement Sourcebook Planning and Implementation in Development Projects.